

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 2025.05.26.01 /TN



- 01 Tên đơn vị thử nghiệm : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Tắc – CNCN Phù Yên
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.05.13 /BBGM. Ngày 13 tháng 05 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500- Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	BOD ₅ (20 ⁰) (*)	mg/l	2	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
11	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,6	≥ 6,0	TCVN 7325:2004
12	Florua(F ⁻) (*)	mg/l	<0,04	1,0	SMEWW 4500- F- .B&D : 2017

13	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	<0,1	≤ 0,1	SMEWW 4500- P- ..E : 2017
14	Xyanua(CN ⁻) (*)	mg/l	<0,001	0,01	SMEWW 4500- CN –C&F : 2017
15	Chất hoạt động bề mặt anion (*)	mg/l	0,099	0,1	TCVN 6622-1:2009
16	Aldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	EPA 3510+ EPA 3630C + EPA 8081B
17	Hexachlorobenzene (C ₆ Cl ₆) (*)	µg/l	<0,015	0,04	
18	Dieldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	
19	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDT) (*)	µg/l	<0,016	1,0	
20	Heptachlor & Heptachloepoxide (*)	µg/l	<0,006	0,2	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	<0,001	0,005	TCVN 6216:1996
22	Tổng dầu mỡ (*)	mg/l	1,58	5,0	SMEWW 5520B:2017
23	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	0,30	≤ 0,6	SMEWW 5310C:2012
24	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/l	0,026	0,1	SMEWW 7110B: 2017
25	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/l	0,164	1,0	SMEWW 7110B: 2017

Sơn La, ngày 26 tháng 05 năm 2025

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 340/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô Suối Tắc
 Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 46/T5/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 340/BB ngày 11 tháng 5 năm 2025
 Ngày phân tích : 12/5/2025 - 14/5/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7.32	6.0 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod:0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	9	≤ 25	TCVN 6625:2000
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
5	Amoni - N	mg/l	KPH <i>Lod:0.03</i>	0.3	PP/AM
6	Clorua	mg/l	KPH <i>Lod:2.3</i>	250	TCVN 6194:1996
7	Mangan	mg/l	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.1	PP/MN
8	COD	mg/l	6	15	PP/COD
9	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	231	< 1000	TCVN 6187-1:2019

10	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	6	20	TCVN 6187-1:2019
----	---------------	---------------	---	----	------------------

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**


Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát


Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 14 tháng 5 năm 2025

P. Tổng giám đốc


Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- L_{od} của NO₂ được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 2025.05.26.02 /TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu :** Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- 02 Địa chỉ :** Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
- 03 Loại mẫu :** Nước mặt Suối Ngọt – CNCN Phù Yên
- 04 Số lượng mẫu :** 01
- 05 Biên bản giao mẫu :** Số 2025.05.13 /BBGM. Ngày 13 tháng 05 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500-Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	<0,116	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	0,0011	0,001	TCCS HD – 04/01
10	BOD ₅ (20 ⁰) (*)	mg/l	1	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
11	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,4	≥ 6,0	TCVN 7325:2004
12	Florua(F ⁻) (*)	mg/l	<0,04	1,0	SMEWW 4500-F-B&D : 2017
13	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	<0,1	≤ 0,1	SMEWW 4500-P-E : 2017

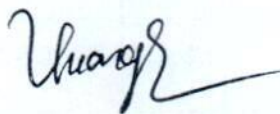
14	Xyanua(CN ⁻) (*)	mg/l	<0,001	0,01	SMEWW 4500-CN -C&F : 2017
15	Chất hoạt động bề mặt anion (*)	mg/l	0,096	0,1	TCVN 6622-1:2009
16	Aldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	EPA 3510+ EPA 3630C + EPA 8081B
17	Hexachlorobenzene (C ₆ Cl ₆) (*)	µg/l	<0,015	0,04	
18	Dieldrin (*)	µg/l	<0,006	0,1	
19	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDT) (*)	µg/l	<0,016	1,0	
20	Heptachlor & Heptachloepoxide (*)	µg/l	<0,006	0,2	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	<0,001	0,005	TCVN 6216:1996
22	Tổng dầu mỡ (*)	mg/l	1,46	5,0	SMEWW 5520B:2017
23	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	0,32	≤ 0,6	SMEWW 5310C:2012
24	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/l	0,023	0,1	SMEWW 7110B: 2017
25	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/l	0,166	1,0	SMEWW 7110B: 2017

Sơn La, ngày 26 tháng 05 năm 2025

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc







Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 339/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô Suối Ngọt
 Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 45/T5/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 339/BB ngày 11 tháng 5 năm 2025
 Ngày phân tích : 12/5/2025 - 14/5/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7.20	6.0 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod:0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	KPH <i>Lod:3.8</i>	≤ 25	TCVN 6625:2000
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
5	Amoni - N	mg/l	KPH <i>Lod:0.03</i>	0.3	PP/AM
6	Clorua	mg/l	KPH <i>Lod:2.3</i>	250	TCVN 6194:1996
7	Mangan	mg/l	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.1	PP/MN
8	COD	mg/l	4	15	PP/COD
9	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	217	< 1000	TCVN 6187-1:2019

10	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	5	20	TCVN 6187-1:2019
----	---------------	---------------	---	----	------------------

Sơn La, ngày 14 tháng 5 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc






Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phụng

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- L_{od} của NO₂ được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 2025.05.26.03 /TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Hua Nậm – CNCN Mường La
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.05.13 /BBGM. Ngày 13 tháng 05 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500- Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	BOD ₅ (20 ⁰) (*)	mg/l	2	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
11	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,8	≥ 6,0	TCVN 7325:2004
12	Florua(F ⁻) (*)	mg/l	<0,04	1,0	SMEWW 4500- F- .B&D : 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 324/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mường La

Vị trí lấy mẫu : Nước nguồn suối Hua Nậm

Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 30/T5/2025

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 324/BB ngày 11 tháng 5 năm 2025

Ngày phân tích : 12/5/2025 - 14/5/2025



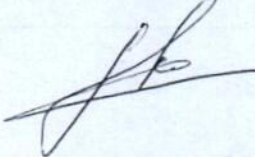
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7.01	6.0 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod:0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	20	≤ 25	TCVN 6625:2000
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
5	Amoni - N	mg/l	KPH <i>Lod:0.03</i>	0.3	PP/AM
6	Clorua	mg/l	3.9	250	TCVN 6194:1996
7	Mangan	mg/l	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.1	PP/MN
8	COD	mg/l	KPH <i>Lod:0.95</i>	15	PP/COD
9	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	253	< 1000	TCVN 6187-1:2019

10	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	5	20	TCVN 6187-1:2019
----	---------------	---------------	---	----	------------------

Sơn La, ngày 14 tháng 5 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**



Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- L_{od} của NO₂ được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
SỐ : 2025.05.26.04/TN



- ISO 9001:2015**
- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
- 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Giếng Nà Cóong – XNCN TP Số 1
- 04 Số lượng mẫu : 01
- 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.05.13/BBGM. Ngày 13 tháng 05 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	0,221	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod:0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Florua (*)	mg/l	0,256	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
11	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
12	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
13	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆) (*)	mg/l	<0,000016	0,00002	
14	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lê, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 356/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 1
Vị trí lấy mẫu : Nước thô giếng Nà Coóng
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 62/T5/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 356/BB ngày 11 tháng 5 năm 2025
Ngày phân tích : 12/5/2025 - 14/5/2025

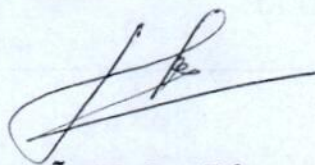


KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/l	KPH Lod:0.1	5	TCVN 6177:1996
2	pH	-	6.92	5.8 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Amoni - N	mg/l	KPH Lod:0.03	1	PP/AM
4	Chỉ số Pemanganat	mg/l	1.02	4	TCVN 6186:1996
5	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	296	500	TCVN 6224:1996
6	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH Lod:0.024	1	TCVN 6178:1996
7	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	1.31	15	TCVN 6180:1996
8	Clorua	mg/l	18.1	250	TCVN 6194:1996
9	Mangan	mg/L	KPH Lod:0.028	0.5	TCVN 6002:1995
10	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	493	1500	PP/TDS
11	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	8	400	PP/SP
12	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	1	3	TCVN 6187-1:2019

13	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	KPH <i>Lod: 1</i>	KPH	TCVN 6187-1:2019
----	---------------	---------------	----------------------	-----	------------------

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích



Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 14 tháng 5 năm 2025

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO_2 được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.05.26.05/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Giếng Sư Phạm – XNCN TP Số 2
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.05.13/BBGM. Ngày 13 tháng 05 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Florua (*)	mg/l	0,242	1	SMEWW 4500 F. B&D: 2017
11	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
12	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
13	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆) (*)	mg/l	<0,000016	0,00002	
14	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 303/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô giếng sự phạm
 Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 09/T5/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 303/BB ngày 11 tháng 5 năm 2025
 Ngày phân tích : 12/5/2025 - 14/5/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod:0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	pH	-	7.11	5.8 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Amoni - N	mg/l	0.34	1	PP/AM
4	Chỉ số Pemanganat	mg/l	0.34	4	TCVN 6186:1996
5	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	296	500	TCVN 6224:1996
6	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
7	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	1.11	15	TCVN 6180:1996
8	Clorua	mg/l	8.2	250	TCVN 6194:1996
9	Mangan	mg/L	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.5	TCVN 6002:1995
10	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	364	1500	PP/TDS
11	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	6	400	PP/SP
12	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	2	3	TCVN 6187-1:2019

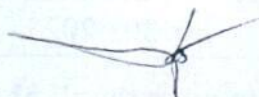
13	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	KPH <i>Lod:1</i>	KPH	TCVN 6187-1:2019
----	---------------	---------------	---------------------	-----	------------------

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích



Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 14 tháng 5 năm 2025

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO_2 được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.05.26.06/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Mỏ Nong Heo – CNCN Mường La
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.05.13/BBGM. Ngày 13 tháng 05 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Florua (*)	mg/l	0,240	1	SMEWW 4500 F . B&D: 2017
11	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
12	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
13	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆) (*)	mg/l	<0,000016	0,00002	
14	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 326/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mường La
Vị trí lấy mẫu : Nước thô mố Noong heo
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 32/T5/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 326/BB ngày 11 tháng 5 năm 2025
Ngày phân tích : 12/5/2025 - 14/5/2025

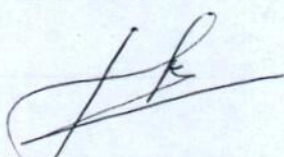


KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod:0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	pH	-	7.02	5.8 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Amoni - N	mg/l	KPH <i>Lod:0.03</i>	1	PP/AM
4	Chỉ số Pemanganat	mg/l	0.32	4	TCVN 6186:1996
5	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	200	500	TCVN 6224:1996
6	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
7	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.60	15	TCVN 6180:1996
8	Clorua	mg/l	3.9	250	TCVN 6194:1996
9	Mangan	mg/L	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.5	TCVN 6002:1995
10	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	256	1500	PP/TDS
11	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	28	400	PP/SP
12	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	2	3	TCVN 6187-1:2019

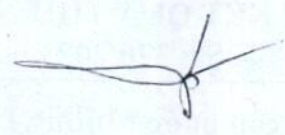
13	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	KPH <i>Lod:1</i>	KPH	TCVN 6187-1:2019
----	---------------	---------------	---------------------	-----	------------------

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**



Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 14 tháng 5 năm 2025

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO₂ được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.05.26.07/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
- 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Mỏ Bệnh Viện – CNCN Mường La
- 04 Số lượng mẫu : 01
- 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.05.13/BBGM. Ngày 13 tháng 05 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	0,166	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod:0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Florua (*)	mg/l	0,250	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
11	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
12	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
13	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆) (*)	mg/l	<0,000016	0,00002	
14	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 325/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mường La
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô mố Bệnh Viện
 Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 31/T5/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 325/BB ngày 11 tháng 5 năm 2025
 Ngày phân tích : 12/5/2025 - 14/5/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod:0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	pH	-	6.94	5.8 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Amoni - N	mg/l	KPH <i>Lod:0.03</i>	1	PP/AM
4	Chỉ số Pemanganat	mg/l	KPH <i>Lod:0.20</i>	4	TCVN 6186:1996
5	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	269	500	TCVN 6224:1996
6	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod:0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
7	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	1.20	15	TCVN 6180:1996
8	Clorua	mg/l	2.8	250	TCVN 6194:1996
9	Mangan	mg/L	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.5	TCVN 6002:1995
10	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	357	1500	PP/TDS
11	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	15	400	PP/SP
12	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	1	3	TCVN 6187-1:2019

13	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	KPH <i>Lod:1</i>	KPH	TCVN 6187-1:2019
----	---------------	---------------	---------------------	-----	------------------

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**


Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát


Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 14 tháng 5 năm 2025

P. Tổng giám đốc


Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO_2 được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.05.26.08/TN



- ISO 9001:2015**
- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Nà Bó – CNCN Mộc Châu
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.05.13/BBGM. Ngày 13 tháng 05 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	0,181	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod:0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Florua (*)	mg/l	0,246	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
11	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
12	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
13	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆) (*)	mg/l	<0,000016	0,00002	
14	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)(*)	mg/l	<0,000006	0,0001	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 354/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô mố Cầu Trắng (mố Nà Bó)
 Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 60/T5/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 354/BB ngày 11 tháng 5 năm 2025
 Ngày phân tích : 12/5/2025 - 14/5/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN 6177:1996
2	pH	-	7.11	5.8 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
3	Amoni - N	mg/L	KPH <i>Lod: 0.03</i>	1	PP/AM
4	Chỉ số Pemanganat	mg/L	0.32	4	TCVN 6186:1996
5	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	331	500	TCVN 6224:1996
6	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	1	TCVN 6178:1996
7	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.40	15	TCVN 6180:1996
8	Clorua	mg/L	3.2	250	TCVN 6194:1996
9	Mangan	mg/L	KPH <i>Lod: 0.028</i>	0.5	TCVN 6002:1995
10	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/L	362	1500	PP/TDS
11	Hàm lượng sunphat SO ₄	mg/L	KPH <i>Lod: 6</i>	400	PP/SP

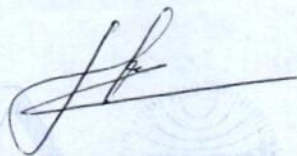
12	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	1	3	TCVN 6187-1:2019
13	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	KPH <i>Lod: 1</i>	KPH	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 14 tháng 5 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phụng

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Lod của NO_2 được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.